



QUY ĐỊNH

Hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất chưa sử dụng và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2024/QĐ-UBND ngày 11 /10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thửa đất để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai.
- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất hoặc thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất, giải quyết thủ tục giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Chương II QUY ĐỊNH HẠN MỨC GIAO ĐẤT Ở VÀ HẠN MỨC CÔNG NHẬN ĐẤT Ở

Điều 3. Hạn mức giao đất ở

Hạn mức giao đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị cho cá nhân để làm nhà ở và mục đích khác phục vụ cho đời sống trong cùng một thửa đất thuộc khu vực nông thôn, khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định như sau:

- Đối với đất ở tại đô thị:
 - Địa bàn các phường thuộc thành phố Cà Mau: Không quá 150m².



- b) Địa bàn các thị trấn thuộc huyện: Không quá 200m².
2. Đối với đất ở tại nông thôn: Không quá 300m².
3. Không áp dụng hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với các trường hợp sau:

- a) Nhà nước giao đất ở cho cá nhân thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;
- b) Nhà nước giao đất ở cho cá nhân do được bồi thường bằng đất khi Nhà nước thu hồi đất hoặc giao đất ở tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024;
- c) Nhà nước cho phép cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác không phải là đất ở sang đất ở.

Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024 mà trên giấy tờ đó có thể hiện mục đích sử dụng để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư nhưng chưa ghi rõ diện tích đất ở, khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân được quy định như sau:

1. Thửa đất được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980: Hạn mức công nhận đất ở không quá 03 (ba) lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.
2. Thửa đất được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hạn mức công nhận đất ở không quá 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH HẠN MỨC GIAO ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀ HẠN MỨC NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Điều 5. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân

Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được quy định như sau:

1. Trường hợp sử dụng vào mục đích đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Không quá 03ha cho mỗi loại đất.
2. Trường hợp sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm cho cá nhân: Không quá 10ha (mười).
3. Trường hợp sử dụng vào mục đích đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân: Không quá 30ha (ba mươi) cho mỗi loại đất.



4. Hạn mức giao đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 176 của Luật Đất đai năm 2024.

Điều 6. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân được quy định như sau:

1. Đối với đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và trồng cây hằng năm khác), đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: Không quá 45ha cho mỗi loại đất.
2. Đối với đất trồng cây lâu năm: Không quá 150ha.
3. Đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 450ha cho mỗi loại đất.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, các đơn vị có liên quan để triển khai, tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.